

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2025

Số: 143 /QĐ-XLKD

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt và ban hành Quy chế Quản lý tài chính của Công ty mẹ
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (Tổng công ty/PetroCons) được sửa đổi và thông qua ngày 05/10/2023;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị ban hành kèm theo Quyết định số 153/QĐ-XLKD ngày 01/7/2021 của Hội đồng quản trị Tổng công ty”;

Xét đề nghị của Tổng giám đốc Tổng công ty tại Tờ trình số 177/TTr-BTGD-TCKT ngày 27/11/2025 và ý kiến của các Thành viên Hội đồng quản trị tại phiếu lấy ý kiến số 152/HĐQT-VBNB ngày 28/11/2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế Quản lý tài chính của Công ty mẹ Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành. Quy chế này thay thế Quy chế Quản lý tài chính của Công ty mẹ Tổng công ty được ban hành kèm theo Quyết định số 354/QĐ-XLKD ngày 08/06/2009 của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

Điều 3. Tổng giám đốc, Trưởng các Ban chuyên môn Tổng công ty, Giám đốc các Ban điều hành dự án/Chi nhánh phía Bắc, và Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các công ty cổ phần có vốn góp của Tổng công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- HĐQT, BKS, Ban TGD (e-copy);
- Lưu: HĐQT, TCKT&KT, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nghiêm Quang Huy

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP-NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY MẸ -
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tháng 12 năm 2025

**QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY MẸ -
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-XLKD ngày tháng 12 năm 2025 của
Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam)*

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

- 1.1 Quy chế này quy định việc quản lý tài chính đối với Công ty mẹ - Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam; bao gồm việc quản lý vốn của Công ty mẹ đầu tư vào doanh nghiệp khác được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc quy định của pháp luật nơi doanh nghiệp được thành lập.
- 1.2 Ngoài những nội dung quy định tại Quy chế này, việc quản lý tài chính của Tổng công ty được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với các quy định khác của Tổng công ty và Tập đoàn.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

- 2.1 “Tập đoàn” hoặc “PVN/PetroVietnam” là Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam là một nhóm doanh nghiệp, bao gồm: Công ty mẹ, các doanh nghiệp thành viên Tập đoàn; các doanh nghiệp liên kết của Tập đoàn.
- 2.2 “Tổng công ty hoặc PetroCons” là Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam - Công ty mẹ trong tổ hợp các doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, là một trong các hình thức của nhóm công ty, có chức năng trực tiếp sản xuất - kinh doanh và đầu tư vào các doanh nghiệp khác, hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan; thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với phần vốn góp/đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết.
- 2.3 “Đại hội đồng cổ đông” là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.
- 2.4 “Hội đồng quản trị” hoặc HĐQT là Hội đồng quản trị của Tổng công ty.
- 2.5 “Ban kiểm soát” là Ban kiểm soát của Tổng công ty.
- 2.6 “Cổ đông” là tổ chức, cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần được phát hành bởi Tổng công ty; được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty.
- 2.7 “Quyền chi phối” là quyền của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đối với một doanh nghiệp khác, bao gồm ít nhất một trong các quyền sau đây:
 - Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó;
 - Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty đó;

- Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty đó.
- 2.8 “Công ty con của Tổng công ty” là các công ty có vốn góp của Tổng công ty và do Tổng công ty nắm giữ quyền chi phối. Công ty con được tổ chức dưới các hình thức: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần, Tổng công ty theo hình thức công ty mẹ - công ty con, công ty ở nước ngoài và các loại hình công ty khác theo quy định của pháp luật.
- 2.9 “Công ty liên kết của Tổng công ty” là công ty mà Tổng công ty sở hữu cổ phần, vốn góp dưới mức chi phối và không do Tổng công ty giữ quyền chi phối, chịu sự ràng buộc về quyền lợi và nghĩa vụ với Tổng công ty theo tỷ lệ vốn góp hoặc theo thỏa thuận và hợp đồng liên kết đã ký giữa công ty với Tổng công ty. Công ty liên kết của Tổng công ty được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hoạt động ở nước ngoài.
- 2.10 “Người quản lý doanh nghiệp”: là người quản lý Tổng công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
- 2.11 “Người đại diện phần vốn” của Tổng công ty hoặc Người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty (sau đây gọi là Người đại diện): là cá nhân được Tổng công ty ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm của Tổng công ty đối với toàn bộ hoặc một phần vốn của Tổng công ty đầu tư tại các công ty thành viên.
- 2.12 “Đơn vị trực thuộc” là các đơn vị hạch toán phụ thuộc nằm trong cơ cấu tổ chức của Tổng công ty như: chi nhánh, ban điều hành, ban quản lý dự án và các mô hình tương đương khác do Tổng công ty thành lập và không có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam.
- 2.13 Tài sản của Tổng công ty bao gồm: tài sản dài hạn (tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, các khoản đầu tư tài chính dài hạn, chi phí xây dựng cơ bản dở dang, các khoản cầm cố, thế chấp, ký cược, ký quỹ dài hạn và các loại tài sản cố định khác) và tài sản ngắn hạn (tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản lưu động khác) mà Tổng công ty có quyền sở hữu, chiếm hữu, sử dụng và định đoạt theo quy định của pháp luật.
- 2.14 “Vốn của Tổng công ty” bao gồm vốn Điều lệ, vốn chủ sở hữu, vốn huy động, vốn tích lũy và các loại vốn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
- 2.15 “Vốn huy động” là số vốn Tổng Công ty huy động theo các hình thức: phát hành trái phiếu, vay của tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các hình thức huy động khác mà pháp luật không cấm.
- 2.16 “Vốn tích lũy” là số vốn của Tổng Công ty được hình thành từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (bằng lợi nhuận để lại, chưa chia, bổ sung vốn điều lệ hoặc trích lập các quỹ).
- 2.17 “Đầu tư vốn ra ngoài Tổng công ty” là việc sử dụng vốn của Tổng công ty dưới các hình thức đầu tư vào doanh nghiệp khác; và các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

- 2.18 Ngoài các thuật ngữ được giải thích như trên, các thuật ngữ khác áp dụng trong quy chế này cũng có nghĩa như được giải thích trong các văn bản quy phạm pháp luật và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Tổng công ty hiện hành.

Điều 3. Tổ chức tài chính kế toán

Công ty mẹ - Tổng công ty có tổ chức bộ máy tài chính kế toán thực hiện công tác tài chính, hạch toán kế toán theo các quy định hiện hành của Nhà nước và các quy định tại Quy chế này.

Điều 4. Năm tài chính và đồng tiền sử dụng trong kế toán

- 4.1 Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Tổng công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm dương lịch.

- 4.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tổng công ty là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia, quốc tế là “đ”; mã giao dịch quốc tế là “VND”). Trong trường hợp nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh bằng ngoại tệ, Tổng công ty phải đồng thời theo dõi nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam để ghi sổ kế toán, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; đối với ngoại tệ không có tỷ giá hối đoái với đồng Việt Nam thì phải quy đổi thông qua một loại ngoại tệ có tỷ giá hối đoái với Đồng Việt Nam.

Trong trường hợp Tổng công ty sử dụng đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam làm đơn vị hạch toán thì Tổng công ty phải thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp. Khi lập báo cáo tài chính sử dụng tại Việt Nam, Tổng công ty phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo đúng quy định hiện hành.

Tỷ giá quy đổi ngoại tệ ra đơn vị tiền tệ trong kế toán và chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, trừ trường hợp pháp luật khác có quy định.

- 4.3 Tổng công ty được phép thu, chi ngoại tệ theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

CHƯƠNG II

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN

Điều 5. Vốn Điều lệ

- 5.1 Vốn điều lệ của Tổng công ty do các cổ đông đóng góp và được ghi trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.
- 5.2 Tổng công ty có thể thay đổi Vốn điều lệ khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 5.3 Vào ngày thông qua Quy chế này tất cả các cổ phần của Tổng công ty đều là cổ phần phổ thông.

- 5.4 Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 5.5 Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
- 5.6 Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Tăng giảm vốn điều lệ

- 6.1 Khi thực hiện tăng, giảm vốn điều lệ, Tổng công ty phải tuân thủ các điều kiện và thực hiện các thủ tục theo quy định hiện hành đối với từng hình thức tăng, giảm vốn điều lệ. Hội đồng quản trị chỉ đạo xây dựng, phê duyệt phương án điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 6.2 Tổng công ty có thể thực hiện tăng vốn điều lệ theo các hình thức sau hoặc/và các phương án khác nếu luật pháp không cấm:
 - 6.2.1 Phát hành cổ phiếu mới để huy động thêm vốn theo quy định của Pháp luật, kể cả trường hợp cơ cấu lại nợ của Tổng công ty theo hình thức chuyển nợ thành vốn góp cổ phần theo thỏa thuận giữa Tổng công ty và các chủ nợ.
 - 6.2.2 Chuyển đổi trái phiếu đã phát hành của Tổng công ty thành cổ phiếu. Việc tăng vốn điều lệ chỉ được thực hiện khi đã đảm bảo đủ các điều kiện để trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu theo quy định của pháp luật và phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi.
 - 6.2.3 Phát hành thêm cổ phiếu của Tổng công ty, bao gồm: phát hành cổ phiếu bằng trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động/CBCNV trong Tổng công ty (Employee Stock Ownership Plan, viết tắt là ESOP). Phát hành cổ phiếu mới, cổ phiếu chuyển đổi để thực hiện các đề án tái cơ cấu/sáp nhập một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp khác vào Tổng công ty.
 - 6.2.4 Chuyển từ thặng dư vốn cổ phần để bổ sung vốn điều lệ.
 - 6.2.5 Các hình thức tăng vốn điều lệ khác theo quy định của Pháp luật.
- 6.3 Tổng công ty có thể giảm vốn điều lệ dưới các hình thức sau:
 - 6.3.1 Tổng công ty có thể hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ nếu công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 02 năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi hoàn trả cho cổ đông.
 - 6.3.2 Tổng công ty mua lại cổ phần đã phát hành, cụ thể: mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông, theo quyết định của Tổng công ty phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp.
 - 6.3.3 Vốn điều lệ không được các cổ đông thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Luật doanh nghiệp.

Điều 7. Giao nhận vốn

- 7.1 Hội đồng quản trị là người đại diện cho cổ đông nhận, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; giao vốn của Tổng công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
- 7.2 Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Tổng giám đốc Tổng công ty là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty giao vốn và tài sản, ký điều động tài sản vật tư, tiền vốn nội bộ Tổng công ty cho các đơn vị trực thuộc.

Điều 8. Quản lý, huy động và sử dụng vốn

- 8.1 Công ty mẹ được huy động vốn (huy động vốn vay) để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư theo các hình thức: vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính; vay của tổ chức, cá nhân ngoài doanh nghiệp, của người lao động; phát hành trái phiếu doanh nghiệp và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật.
- 8.2 Nguyên tắc huy động vốn:
 - a) Căn cứ chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển ít nhất từ 05 năm và kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư hàng năm của Công ty mẹ;
 - b) Phương án huy động vốn phải đảm bảo khả năng thanh toán nợ và có phương án vay vốn được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Người phê duyệt phương án huy động vốn phải chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra đảm bảo vốn huy động được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng và có hiệu quả;
 - d) Đối với việc huy động vốn của tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước, Công ty mẹ phải thực hiện thông qua hợp đồng vay vốn với tổ chức kinh tế, cá nhân cho vay theo quy định của pháp luật. Mức lãi suất vay vốn tối đa không vượt quá mức lãi suất cho vay cùng thời hạn của Ngân hàng Thương mại nơi Tổng công ty mở tài khoản giao dịch tại thời điểm vay vốn. Trường hợp Tổng công ty mở tài khoản giao dịch ở nhiều ngân hàng thì mức lãi suất huy động vốn trực tiếp tối đa không được vượt quá lãi suất cho vay cao nhất cùng thời hạn của các ngân hàng thương mại mà Tổng công ty mở tài khoản.

Trường hợp vay vốn từ nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước thì thực hiện theo quy định của pháp luật về tín dụng đầu tư phát triển và quy định khác của pháp luật có liên quan;

 - đ) Đối với việc huy động vốn của tổ chức, cá nhân nước ngoài, vay hoặc phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, Công ty mẹ thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý nợ công và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e) Đối với việc huy động vốn nước ngoài dưới hình thức tự vay, tự trả của Công ty mẹ, thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, vay trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh, pháp luật về quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật khác liên quan, trong đó, Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt chủ trương khoản vay để gửi Bộ Tài chính có ý kiến theo quy định tại Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01

năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (Nghị định 97/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 10/2019/NĐ-CP);

g) Việc huy động vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật;

h) Trường hợp đối tượng liên quan đến hợp đồng là Người nội bộ, người có liên quan người nội bộ thì phải thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán hiện hành.

- 8.3 Thẩm quyền đối với việc huy động vốn: Hội đồng quản trị Tổng công ty ra Nghị quyết /quyết định về việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, cầm cố, đảm bảo, bảo lãnh, thông qua các hợp đồng vay, cho vay của Tổng công ty.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Công ty mẹ trong việc sử dụng vốn và quỹ do Công ty mẹ Tổng công ty quản lý

- 9.1 Công ty mẹ được quyền chủ động sử dụng linh hoạt toàn bộ số vốn, quỹ của Công ty mẹ vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trừ các khoản vốn huy động mà Công ty mẹ đã cam kết mục đích sử dụng vốn và chịu trách nhiệm trước toàn thể các cổ đông về bảo toàn, phát triển vốn, hiệu quả sử dụng vốn, đảm bảo quyền lợi của những người liên quan đến Công ty như các chủ nợ, khách hàng, người lao động theo các hợp đồng đã giao kết.
- 9.2 Công ty mẹ được sử dụng các quỹ do Công ty quản lý khi nhân rồi vào mục đích chung của Công ty, khác với mục đích sử dụng quỹ đã quy định, và hoàn trả khi có nhu cầu sử dụng quỹ. Việc sử dụng vốn, quỹ để đầu tư xây dựng phải chấp hành đầy đủ các quy định của nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng.
- 9.3 Công ty mẹ được quyền quyết định phân phối và sử dụng lợi nhuận còn lại sau khi đã làm nghĩa vụ đối với Nhà nước phù hợp với quy định của Pháp luật và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Bảo toàn vốn kinh doanh

- 10.1 Trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật, Tổng công ty được quyết định phương án quản lý và sử dụng linh hoạt toàn bộ số vốn các cổ đông đã đầu tư và các nguồn vốn hợp pháp khác vào hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu thu lợi nhuận, đồng thời chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hiệu quả sử dụng vốn; về bảo toàn, phát triển vốn.
- 10.2 Việc bảo toàn vốn tại Tổng công ty thực hiện bằng các biện pháp sau đây:
- 10.2.1 Thực hiện đúng chế độ quản lý tài chính, sử dụng vốn và tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ kế toán theo quy định của pháp luật.
- 10.2.2 Mua bảo hiểm tài sản và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.
- 10.2.3 Kịp thời xử lý giá trị tài sản tổn thất, các khoản nợ không có khả năng thu hồi và trích lập các khoản dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật hiện hành, gồm:

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn;

10.2.4 Các biện pháp khác về bảo toàn vốn của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

- 10.3 Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các biện pháp bảo toàn vốn nêu trên. Định kỳ báo cáo đánh giá về mức độ bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu; phân tích các khoản làm mất vốn và có khả năng làm mất vốn. Tổng giám đốc quyết định cụ thể về việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng trên cơ sở các quỹ hiện hành của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty.
- 10.4 Việc chuyển lỗ thực hiện theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm chuyển lỗ.

Điều 11. Đầu tư vốn ra ngoài Tổng công ty

- 11.1 Tổng công ty được quyền sử dụng tài sản thuộc quyền quản lý để đầu tư. Việc sử dụng tài sản có liên quan đến đất đai để đầu tư ra ngoài phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đất đai.

- 11.2 Việc đầu tư vốn của Tổng công ty vào doanh nghiệp khác phải tuân thủ theo quy định của pháp luật, phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của Tổng công ty, không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tổng công ty và đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư.

Việc đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh ngành nghề ngoài lĩnh vực thuộc ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty chỉ được thực hiện sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

- 11.3 Tổng công ty không được tham gia góp vốn mua cổ phần của các doanh nghiệp khác mà người quản lý, điều hành hoặc người sở hữu chính của doanh nghiệp này là là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty mẹ.

Công ty mẹ không được góp vốn cùng công ty con để thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Không được góp vốn hoặc mua cổ phần tại ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, Quỹ đầu tư mạo hiểm, Quỹ đầu tư Chứng khoán hoặc Công ty đầu tư chứng khoán.

- 11.4 Việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác hoặc để thành lập doanh nghiệp phải thực hiện theo Luật doanh nghiệp và các Luật khác có liên quan.

- 11.5 Các hình thức đầu tư vốn ra ngoài Tổng công ty:

11.5.1 Đầu tư thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

- 11.5.2 Góp vốn với các chủ sở hữu khác để thành lập doanh nghiệp, góp vốn trong hợp đồng hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân mới; góp vốn để thành lập công ty cổ phần, công ty TNHH;
- 11.5.3 Mua cổ phần tại các công ty cổ phần, mua phần vốn góp hoặc góp vốn tại Công ty TNHH, công ty hợp danh;
- 11.5.4 Mua lại toàn bộ doanh nghiệp khác.
- 11.5.5 Mua công trái, trái phiếu để hưởng lãi.
- 11.5.6 Các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật.
- 11.6 Thẩm quyền quyết định đầu tư vào doanh nghiệp khác:
- Đại hội đồng cổ đông quyết định đầu tư đối với các khoản đầu tư có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Tổng công ty, hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn được quy định trong điều lệ Tổng công ty.
- Đối với khoản đầu tư vào doanh nghiệp khác chưa nằm trong kế hoạch hằng năm thì chỉ được thực hiện sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định đầu tư vào doanh nghiệp khác của Tổng công ty đã nằm trong kế hoạch năm và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Tổng công ty, hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn được quy định trong điều lệ Tổng công ty.
 - Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua hằng năm, Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định việc thành lập mới công ty con và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.
 - Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể ủy quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm, nâng cấp TSCĐ trong phạm vi thẩm quyền cho Tổng giám đốc Tổng công ty.
- 11.7 Đối với việc sử dụng vốn, tài sản của Công ty mẹ để đầu tư ra nước ngoài phải tuân thủ quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về quản lý ngoại hối và quy định khác của pháp luật có liên quan về đầu tư ra nước ngoài.

Điều 12. Chuyển nhượng các khoản đầu tư vốn ra ngoài Công ty mẹ

- 12.1 Việc chuyển nhượng các khoản đầu tư vốn ra ngoài Công ty mẹ (bao gồm cả việc chuyển nhượng quyền mua cổ phần, quyền góp vốn vào công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên) thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định hiện hành của pháp luật và đảm bảo các nguyên tắc sau:
- Tuân thủ quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - Phản ánh đầy đủ giá trị thực tế doanh nghiệp, bao gồm cả giá trị quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Bảo đảm nguyên tắc thị trường, công khai, minh bạch;
- Việc xác định giá khởi điểm đối với phần vốn Công ty mẹ trước khi tổ chức bán đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh hoặc thỏa thuận được thực hiện thông qua tổ chức có chức năng thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thẩm định giá đảm bảo xác định đầy đủ giá trị thực tế phần vốn Công ty mẹ tại doanh nghiệp bao gồm cả giá trị được tạo bởi giá trị quyền sử dụng đất giao hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định của pháp luật về đất đai và giá trị các quyền sở hữu trí tuệ (nếu có) của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật tại thời điểm chuyển nhượng vốn.

12.2 Thẩm quyền quyết định việc nhượng các khoản đầu tư vốn ra ngoài Công ty mẹ

- Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định phương án chuyển nhượng các khoản đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư được quy định tại khoản 11.6 Điều 11 của Quy chế này và theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Tổng công ty;
- Đối với các khoản đầu tư thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty, Hội đồng quản trị Tổng công ty thực hiện phương án chuyển nhượng sau khi Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty quyết định thông qua.

Điều 13. Quản lý các khoản nợ phải trả

Công ty mẹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy định của pháp luật về quản lý nợ phải trả; trong đó:

- 13.1 Xây dựng, ban hành, thực hiện quy chế quản lý nợ phải trả. Quy chế quản lý nợ phải trả quy định trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, đối chiếu, xác nhận, thanh toán nợ.
- 13.2 Mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả gồm cả các khoản lãi phải trả.
- 13.3 Theo dõi nợ phải trả theo từng đối tượng nợ, thường xuyên phân loại nợ; xây dựng kế hoạch thanh toán nợ, cân đối dòng tiền bảo đảm thanh toán nợ; thanh toán các khoản nợ theo đúng thời hạn đã cam kết. Thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ, phát hiện sớm tình hình khó khăn trong thanh toán nợ để có giải pháp khắc phục kịp thời, không để phát sinh các khoản nợ quá hạn.
- 13.4 Trường hợp quản lý để phát sinh nợ phải trả quá hạn, nợ không có khả năng thanh toán thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà người có liên quan phải bồi thường thiệt hại và bị xử lý theo quy định của pháp luật và điều lệ của Tổng công ty.

CHƯƠNG III

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN CỦA CÔNG TY MẸ

Điều 14. Tài sản của Công ty mẹ

- 14.1 Tài sản của Công ty mẹ bao gồm tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn được hình thành từ vốn điều lệ, vốn vay và các nguồn vốn hợp pháp khác. Tổng công ty có quyền cầm cố, thế chấp, cho thuê, nhượng bán, thanh lý các tài sản thuộc sở hữu của Tổng

công ty, được thay đổi cơ cấu tài sản để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Những tài sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật thì phải thực hiện đăng ký quyền sở hữu.

a) Tài sản cố định, bất động sản đầu tư, các khoản phải thu dài hạn, tài sản dài hạn khác và tài sản ngắn hạn của văn phòng Công ty mẹ, các đơn vị hạch toán phụ thuộc, ban quản lý dự án, ban điều hành dự án;

b) Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm: vốn Công ty mẹ đầu tư vào công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty mẹ là chủ sở hữu; vốn góp trong các công ty cổ phần, công ty liên doanh và các doanh nghiệp khác; vốn góp trong các hợp đồng hợp tác kinh doanh; các khoản đầu tư trái phiếu, tín phiếu dài hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác;

- 14.2 Tài sản của Công ty mẹ không bao gồm tài sản của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty mẹ là chủ sở hữu, tài sản của công ty cổ phần mà Công ty mẹ giữ cổ phần chi phối.

Điều 15. Tài sản cố định, đầu tư tài sản cố định, khấu hao Tài sản cố định

- 15.1 Tiêu chuẩn xác định tài sản cố định thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về trích lập, quản lý và sử dụng khấu hao tài sản cố định.

- 15.2 Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định thực hiện theo Điều lệ của Tổng công ty.

- 15.3 Trình tự, thủ tục đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư, xây dựng.

a) Đối với đầu tư, mua sắm tài sản cố định do Công ty mẹ thực hiện, quá trình đầu tư xây dựng phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về đấu thầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

b) Đối với đầu tư, mua sắm tài sản cố định bên ngoài đưa về sử dụng, Công ty mẹ phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

c) Đối với đầu tư, mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại (xe ô tô) phục vụ công tác cho các chức danh lãnh đạo và phục vụ công tác chung, Công ty mẹ phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức mua sắm, sử dụng phục vụ công tác đảm bảo công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả theo quy định của Chính phủ, Tập đoàn và Quy chế chi tiêu nội bộ của Tổng công ty.

- 15.4 Người quyết định dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật nếu quyết định không đúng thẩm quyền hoặc tài sản cố định được đầu tư, mua, bán không sử dụng được, sử dụng không hiệu quả.

- 15.5 Công ty mẹ được thuê tài sản (bao gồm cả hình thức thuê tài chính) để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh phù hợp với nhu cầu của Công ty mẹ và đảm bảo kinh doanh có hiệu quả. Việc thuê và sử dụng tài sản thuê phải tuân theo đúng quy định

của Bộ luật Dân sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 16. Thế chấp, cầm cố tài sản

- 16.1 Công ty mẹ được quyền thế chấp, cầm cố tài sản của Công ty mẹ theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn, và phát triển vốn theo quy định của pháp luật.
- 16.2 Thẩm quyền quyết định việc thế chấp, cầm cố tài sản thực hiện theo Quy chế phối hợp công tác giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc của Tổng công ty.
- 16.3 Việc sử dụng tài sản để thế chấp, cầm cố phải tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Dân sự và các quy định khác của pháp luật, Điều lệ của Tổng công ty.

Điều 17. Cho thuê, thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

- 17.1 Công ty mẹ có quyền cho thuê, thanh lý, nhượng bán tài sản cố định của Công ty mẹ theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn theo quy định của pháp luật.

Công ty mẹ được quyền chủ động và có trách nhiệm nhượng bán, thanh lý tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được để thu hồi vốn trên nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật hiện hành.

Việc thanh lý, nhượng bán tài sản gắn liền với đất phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

- 17.2 Thẩm quyền quyết định việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định: Người có thẩm quyền quyết định đầu tư theo quy định về phân cấp đầu tư của Tổng công ty có thẩm quyền quyết định việc thanh lý, nhượng bán TSCĐ, các dự án đầu tư tài sản cố định dở dang tương ứng.

- 17.3 Phương thức thanh lý, nhượng bán tài sản cố định:

Việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định được thực hiện bằng hình thức đấu giá thông qua một tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản hoặc do Công ty mẹ tự tổ chức thực hiện công khai theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản. Trường hợp tài sản cố định không có giao dịch trên thị trường thì Công ty mẹ được thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định giá làm cơ sở bán tài sản theo các phương thức trên. Trường hợp chuyển nhượng tài sản cố định gắn liền với đất phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

- 17.4 Trình tự, thủ tục thanh lý, nhượng bán tài sản:

a) Tổng công ty quyết định thành lập hội đồng thanh lý, nhượng bán tài sản cố định tại Công ty mẹ. Nhiệm vụ của hội đồng thanh lý, nhượng bán tài sản cố định của Công ty mẹ gồm:

- Xác định thực trạng về kỹ thuật, giá trị còn lại của tài sản thanh lý, nhượng bán;
- Tổ chức xác định hoặc thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá để xác định giá trị có thể thu được của tài sản thanh lý, nhượng bán;
- Tổ chức bán đấu giá hoặc thuê tổ chức có chức năng bán đấu giá các loại tài sản thanh lý nhượng bán theo quy định của pháp luật có liên quan;

- Hội đồng thanh lý, nhượng bán tài sản tự kết thúc hoạt động sau khi hoàn tất việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định của Công ty mẹ.

b) Trường hợp khi Công ty mẹ thực hiện dự án đầu tư xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Công ty mẹ phải dỡ bỏ hoặc hủy bỏ tài sản cố định cũ thì việc thanh lý và hạch toán tài sản cố định cũ khi dỡ bỏ hoặc hủy bỏ của Công ty mẹ thực hiện như đối với trường hợp thanh lý tài sản cố định quy định tại Điều này.

Điều 18. Quản lý và sử dụng công cụ, dụng cụ

- Tổng công ty phân bổ công cụ, dụng cụ vào chi phí kinh doanh theo quy định hiện hành.

- Công cụ dụng cụ được phân bổ vào giá trị sản xuất kinh doanh trong một năm hoặc nhiều năm tùy theo tính chất và giá trị của công cụ dụng cụ. Sau khi đã phân bổ hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng được thì vẫn phải mở sổ sách theo dõi chi tiết để quản lý, định kỳ phải tiến hành kiểm kê, đánh giá và phân loại công cụ dụng cụ theo quy định.

Điều 19. Quản lý hàng tồn kho

19.1 Hàng tồn kho bao gồm hàng hoá mua về để bán còn tồn kho, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho hoặc đã mua đang đi trên đường, sản phẩm dở dang đang trong quá trình sản xuất, sản phẩm hoàn thành nhưng chưa nhập kho, thành phẩm tồn kho, thành phẩm đang gửi bán, các dự án hạ tầng phân lô, căn hộ xây dựng đã hoàn thành chưa bán được.

19.2 Giá hàng tồn kho được xác định theo giá gốc bao gồm: Giá mua, chi phí vận chuyển, bốc xếp, chi phí bảo quản, chi phí bảo hiểm, thuế nhập khẩu (nếu có), chi phí chế biến để đưa hàng hóa về địa điểm và trạng thái hiện tại. Cuối kỳ kế toán, nếu giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị trường thì phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định hiện hành.

19.3 Công ty mẹ có quyền và chịu trách nhiệm xử lý ngay những hàng hoá tồn kho kém, mất phẩm chất, lạc hậu kỹ thuật, ứ đọng, chậm luân chuyển để thu hồi vốn. Thẩm quyền quyết định xử lý theo Điều lệ của Tổng công ty.

Điều 20. Quản lý các khoản tạm ứng

20.1 Quy định về quản lý các khoản tạm ứng cho các đối tượng là cá nhân làm việc tại Cơ quan văn phòng Tổng công ty, chi nhánh, các Ban điều hành dự án, các đơn vị trực thuộc của Tổng công ty (sau đây gọi là CBNV).

20.2 Các quy định thẩm quyền phê duyệt tạm ứng, thủ tục tạm ứng, hoàn tạm ứng được quy định cụ thể tại Quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế lương, các quy chế có liên quan khác của Tổng công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

20.3 Vào ngày 30/6, 31/12 năm tài chính, Công ty mẹ phải thực hiện đối chiếu và xác nhận số dư tạm ứng của từng CBNV đã tạm ứng nhưng chưa hoàn thành việc thanh, quyết toán. Mọi trường hợp chênh lệch, thu hồi công nợ cá nhân được giải quyết theo Quy chế quản lý nợ của Tổng công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 21. Quản lý các khoản nợ phải thu

21.1 Tổng giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm quản lý các khoản nợ phải thu phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, chi nhánh, đơn vị trực thuộc Công ty mẹ, cụ thể:

21.1.1 Xây dựng và trình Hội đồng quản trị Tổng công ty ban hành quy chế quản lý nợ (bao gồm nợ phải thu) của Tổng công ty, phân công và xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi, xử lý các khoản nợ phải thu.

21.1.2 Công ty mẹ phải mở sổ theo dõi các khoản công nợ theo từng đối tượng nợ; thực hiện đối chiếu công nợ khi khóa sổ, lập báo cáo tài chính năm và các trường hợp cần thiết khác theo quy định của pháp luật và của Tổng công ty; thực hiện phân loại các khoản nợ, lập kế hoạch và thực hiện thu hồi công nợ, đôn đốc thu hồi công nợ; trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định.

21.1.3 Xử lý kịp thời các khoản nợ phải thu khó đòi, nợ không thu hồi được theo quy định của Pháp luật và theo Quy chế Quản lý nợ/xử lý nợ của Công ty mẹ Tổng công ty.

21.2 Tổng công ty được bán các khoản nợ phải thu theo quy định của pháp luật để thực hiện thu hồi vốn. Thẩm quyền quyết định và nguyên tắc bán các khoản nợ được thực hiện theo quy chế quản lý nợ và Điều lệ của Tổng công ty.

Các quyền khác như quyền khiếu nại, khởi kiện khi không thu hồi được nợ, quyền ủy quyền, thuê đòi nợ ... được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Trách nhiệm của các cá nhân có liên quan trực tiếp tới việc phát sinh các khoản nợ khó đòi phải bồi thường (nếu có) theo quy định của Quy chế quản lý nợ, Điều lệ Tổng công ty và của pháp luật.

21.3 Việc xác định, xử lý Nợ phải thu khó đòi, nợ phải thu không có khả năng thu hồi phải được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật, hướng dẫn của Bộ Tài chính, điều lệ và Quy chế quản lý nợ của Tổng công ty.

Những khoản nợ không có khả năng thu hồi sau khi đã xử lý, Công ty mẹ phải theo dõi trên hệ thống quản trị của mình, trình bày trong thuyết minh Báo cáo tài chính và tổ chức thu hồi. số tiền thu hồi được ghi nhận vào thu nhập khác của Công ty mẹ.

Điều 22. Kiểm kê tài sản

22.1 Tổng công ty tổ chức kiểm kê định kỳ vào thời điểm 0^h ngày 01 tháng 07 và 0^h ngày 01 tháng 01 hàng năm để xác định số lượng tài sản (tài sản cố định và đầu tư dài hạn, tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn), đánh giá chất lượng, giá trị tài sản thực tế tại thời điểm kiểm kê đối chiếu với số liệu trên sổ kế toán; đối chiếu các khoản công nợ phải thu, phải trả. Tổ chức xử lý kiểm kê và xử lý tài sản tổn thất sau kiểm kê. Đối với các tài sản thiếu, nợ không thu hồi được, nợ quá hạn cần xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của những người liên quan và xác định mức bồi thường vật chất theo quy định.

22.2 Tổng công ty phải tổ chức kiểm kê tài sản trong các trường hợp:

22.2.1 Khi khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm.

22.2.2 Khi thực hiện quyết định chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động, phá sản, bán, cho thuê.

22.2.3 Sau khi xảy ra thiên tai, địch họa hoặc vì lý do nào đó gây ra biến động tài sản của Tổng công ty, hoặc theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và theo quy định khác của Pháp luật.

Điều 23. Xử lý tài sản tổn thất

23.1 Tài sản tổn thất bao gồm tài sản mất mát, thiếu hụt, hư hỏng, kém mất phẩm chất, lạc hậu, tồn kho ứ đọng trong kiểm kê định kỳ và kiểm kê đột xuất.

23.2 Tổng công ty phải xác định giá trị bị tổn thất, nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý như sau:

21.2.1 Nếu nguyên nhân do chủ quan của tập thể và cá nhân thì người gây ra tổn thất phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

21.2.2 Tài sản đã mua bảo hiểm nếu tổn thất thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.

21.2.3 Giá trị tài sản tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm, bù đắp bằng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (nếu có). Trong trường hợp còn thiếu thì được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

23.3 Những trường hợp tổn thất đặc biệt do thiên tai, địch họa hoặc do nguyên nhân bất khả kháng gây hậu quả nghiêm trọng, Tổng công ty không thể tự khắc phục được thì Hội đồng quản trị phải lập ngay phương án xử lý tổn thất, trình Đại hội cổ đông xem xét quyết định.

23.4 Tổng công ty có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản tổn thất tài sản. Trường hợp để các khoản tổn thất tài sản không được xử lý thì Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị Tổng công ty chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông như trường hợp báo cáo không trung thực tình hình tài chính doanh nghiệp.

Điều 24. Đánh giá lại giá trị tài sản

24.1 Tổng công ty thực hiện đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau:

- Theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- Thực hiện chuyển đổi sở hữu Tổng công ty.
- Dùng tài sản để đầu tư ra ngoài Tổng công ty.
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

24.2 Việc đánh giá lại tài sản phải theo đúng các quy định của pháp luật. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị do đánh giá lại tài sản quy định tại khoản 1 điều này thực hiện theo quy định của Nhà nước đối với từng trường hợp cụ thể.

CHƯƠNG IV

QUẢN LÝ DOANH THU, CHI PHÍ, LỢI NHUẬN

Điều 25. Quản lý doanh thu và thu nhập khác

- 25.1 Doanh thu và thu nhập khác của doanh nghiệp được xác định phù hợp với các chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật về thuế hiện hành.
- 25.2 Doanh thu, thu nhập khác của Tổng công ty là toàn bộ số tiền đã thu, sẽ thu được do việc cung cấp dịch vụ, sản phẩm, hàng hoá, hoạt động tài chính và các hoạt động khác của Tổng công ty.
- 25.3 Tổng công ty được sử dụng toàn bộ doanh thu thuần, thu nhập khác để bù đắp các chi phí phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác.
- 23.4 Tiêu chuẩn xác định doanh thu, thu nhập khác căn cứ vào chuẩn mực kế toán và các quy định của Nhà nước.
- 25.5 Kế toán trưởng Tổng công ty thực hiện kế toán doanh thu và thu nhập khác theo quy định hiện hành, tổ chức kế toán quản trị theo dõi chi tiết doanh thu và thu nhập khác theo loại hình dịch vụ, hợp đồng, đáp ứng cung cấp kịp thời thông tin cho việc quản lý điều hành Tổng công ty.
- 25.6 Tổng công ty xây dựng quy trình cụ thể về nội dung, tài liệu, chứng từ và trách nhiệm cá nhân, phòng ban, đơn vị trực thuộc, đảm bảo doanh thu được tính đúng, đủ và kịp thời.

Điều 26. Chi phí hoạt động kinh doanh

- 26.1 Chi phí hoạt động kinh doanh của Tổng công ty là các khoản chi phí hợp lý hợp lệ liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh mà Tổng công ty phải bỏ ra trong năm tài chính. Việc phân loại chi tiết chi phí theo Luật kế toán, chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp, Luật thuế hiện hành và yêu cầu quản lý của Tổng công ty.
- 26.2 Việc xác định, kế toán chi phí sản xuất kinh doanh để tính lãi (lỗ) tài chính và thu nhập chịu thuế trong năm tài chính căn cứ vào các chuẩn mực kế toán và các quy định của Luật thuế hiện hành.
- 26.3 Không tính vào chi phí sản xuất kinh doanh các khoản đã có nguồn gốc đảm bảo hoặc không liên quan đến sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật hiện hành như: các khoản chi hình thành tài sản cố định; Chi phí lãi vay vốn được tính vào chi phí đầu tư và xây dựng, các khoản chi mang tính chất phúc lợi, các khoản chi không mang danh đơn vị, chi không có chứng từ hợp lệ...

Điều 27. Quản lý chi phí

- 27.1 Các biện pháp thực hiện quản lý chi phí:
 - 27.1.1 Tổng giám đốc xây dựng dự toán, đơn giá tiền lương, các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí phù hợp với đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, ngành nghề kinh

doanh, mô hình tổ chức quản lý, trình độ trang bị của Tổng công ty trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

27.1.2 Tổng giám đốc tổ chức thực hiện các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí và phải phổ biến đến tận người thực hiện, nhất là các định mức về giao dịch, tiếp khách, hội họp, phát triển thị trường, marketing...

27.1.3 Tổng giám đốc tổ chức các biện pháp quản lý về giá trong mua bán để đảm bảo các khoản chi phí, doanh thu có giá cạnh tranh như: đấu thầu, chào hàng cạnh tranh theo đúng quy định của pháp luật hiện hành...

27.1.4 Tổng giám đốc ban hành quy trình cụ thể về nội dung, tài liệu chứng từ và trách nhiệm cá nhân, phòng/ban, đơn vị trong quá trình thực hiện các chi phí được giao hoặc phân cấp, đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng và đầy đủ của chứng từ chi phí.

27.2 Tổng giám đốc có thể uỷ quyền và phân cấp cho cá nhân trong đơn vị được quyền chi các khoản chi phí. Nội dung phân cấp, uỷ quyền sẽ được Tổng giám đốc quyết định cụ thể. Người được uỷ quyền hoặc phân cấp quyết định chi chịu trách nhiệm về các khoản chi trước pháp luật và Tổng giám đốc, Người được uỷ quyền không được uỷ quyền cho cấp tiếp theo.

27.3 Đối với các khoản chi sai quy định, cá nhân đề xuất và người quyết định chi phải chịu trách nhiệm bồi hoàn, Tổng giám đốc quyết định việc bồi hoàn.

Điều 28. Giá thành sản phẩm, chi phí dịch vụ tiêu thụ

28.1 Tổng giá thành toàn bộ sản phẩm hàng hoá tiêu thụ và dịch vụ trong kỳ (hoặc giá thành hàng hoá bán ra) bao gồm: giá thành sản phẩm, hàng hoá xuất tiêu thụ trong kỳ (hoặc giá vốn hàng hoá bán ra); chi phí dịch vụ sử dụng trong kỳ; chi phí quản lý Tổng công ty phát sinh trong kỳ; chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ. Nguyên tắc và phương pháp xác định giá thành sản phẩm, dịch vụ thực hiện theo quy định pháp luật.

28.2 Kế toán trưởng tổ chức theo dõi chi tiết giá thành theo loại hình dịch vụ, sản phẩm, hợp đồng, báo cáo phân tích, cung cấp thông tin cho công tác quản lý của Tổng công ty.

Điều 29. Lợi nhuận và việc phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận được xác định là khoản tiền chênh lệch giữa thu nhập và chi phí mà Tổng công ty bỏ ra để đạt được thu nhập từ các hoạt động của Tổng công ty đưa lại. Lợi nhuận là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động sản xuất kinh doanh, là chỉ tiêu chất lượng đánh giá hiệu quả kinh tế các hoạt động của Tổng công ty.

29.1 Lợi nhuận của doanh nghiệp sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, trích quỹ theo quy định của pháp luật, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại phân phối, sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Tổng công ty.

29.2 Hội đồng quản trị Tổng công ty đề xuất phương án phân phối lợi nhuận còn lại để trình Đại hội cổ đông thông qua, trong đó:

29.2.1 Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có).

29.2.2. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định.

29.2.3. Số lợi nhuận còn lại sau khi trừ đi các nội dung quy định tại các khoản 1, khoản 2 Điều này được phân phối theo thứ tự như sau:

a) Trích tối thiểu 30% vào quỹ đầu tư phát triển cho đến khi quỹ đạt bằng Vốn điều lệ. Sau khi quỹ bằng hoặc vượt vốn điều lệ, tỷ lệ trích lập do ĐHĐCĐ/Hội đồng quản trị quyết định.

b) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi :

Mức trích căn cứ vào kết quả kinh doanh và hiệu quả quản lý, tối đa:

Quỹ khen thưởng: không quá 3 tháng tiền lương thực hiện bình quân trong năm.

Quỹ phúc lợi: không quá 3 tháng tiền lương thực hiện bình quân trong năm.

Ngoài ra, tùy thuộc vào kết quả kinh doanh và nhu cầu tái đầu tư của Tổng công ty, Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định bổ sung Quỹ, mức trích cụ thể vào các quỹ khác như Quỹ phát triển khoa học và công nghệ; quỹ thưởng Người quản lý và kiểm soát viên... phân chia cổ tức tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 30. Mục đích sử dụng các quỹ

30.1 Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho Công ty mẹ và thực hiện các dự án đầu tư phát triển phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty mẹ.

30.2 Quỹ khen thưởng được dùng để:

- Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ cho cán bộ công nhân viên trong Tổng công ty.
- Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Tổng công ty. Mức thưởng do Tổng giám đốc quyết định.
- Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Tổng công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Tổng công ty. Mức thưởng do Tổng giám đốc quyết định.

30.3 Quỹ phúc lợi được dùng để:

- Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Tổng công ty.
- Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Tổng công ty, phúc lợi xã hội.
- Trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, nghỉ mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

- Việc quản lý sử dụng quỹ phúc lợi do Tổng Giám đốc quyết định. Những khoản chi quỹ phúc lợi liên quan trực tiếp đến quyền lợi người lao động có tham khảo ý kiến của Công đoàn Tổng công ty.
- 30.4 Quỹ thưởng Người quản lý, kiểm soát viên doanh nghiệp được sử dụng để thưởng Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Thành viên Ban kiểm soát, Kế toán trưởng. Mức thưởng do Hội đồng quản trị quyết định gắn với tiêu chí đánh giá các chức danh và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty, trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc và được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên TCT.
- 30.5 Các quỹ khác (nếu có) được sử dụng phù hợp với quy định của pháp luật và được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thông qua.

CHƯƠNG V

CÔNG TÁC KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Điều 31. Tài khoản ngân hàng

Tổng công ty mở tài khoản tại ngân hàng hoạt động tại Việt Nam và có thể mở tài khoản tại ngân hàng ở nước ngoài. Việc mở tài khoản theo các quy định của pháp luật.

Điều 32. Kế hoạch tài chính

- 32.1 Trước thời hạn ngày 31 tháng 10 hàng năm, căn cứ chiến lược phát triển Tổng công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh, nhu cầu về vốn của Tổng công ty, Tổng giám đốc Tổng công ty trình Hội đồng quản trị Tổng công ty phê duyệt kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính chậm nhất là ngày 31/02 năm kế hoạch của Tổng công ty.
- 32.2 Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện các kế hoạch hàng năm trong vòng 90 ngày sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.

Điều 33. Chế độ kế toán

- 33.1 Tổng công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành, lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt, các hoạt động kinh tế phát sinh được phản ánh bằng Đồng Việt Nam.
- 33.2 Chứng từ sổ sách kế toán (kể cả dữ liệu trong phần mềm kế toán) của Tổng công ty đảm bảo chính xác, cập nhật có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty. Việc lưu trữ chứng từ, sổ sách kế toán theo quy định của pháp luật.
- 33.3 Việc cung cấp thông tin, chứng từ, sổ sách kế toán ra bên ngoài Tổng công ty chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý của Kế toán trưởng, Tổng giám đốc hoặc theo quy định của pháp luật. Đơn vị, cá nhân nào vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

- 33.4 Kế toán trưởng Tổng công ty chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán của Tổng công ty theo chế độ và các chuẩn mực kế toán hiện hành, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty về toàn bộ công tác kế toán của Tổng công ty.

Điều 34. Báo cáo tài chính và báo cáo quản trị

34.1 Báo cáo tài chính

34.1.1 Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch cùng năm.

34.1.2 Báo cáo tài chính của Công ty mẹ, Công ty con, đơn vị trực thuộc, báo cáo tài chính hợp nhất và các báo cáo, tài liệu bổ trợ khác được lập trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành. Báo cáo tài chính được gửi tới các cơ quan quản lý, đơn vị liên quan theo quy định hiện hành.

34.1.3 Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Tổng công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số liệu báo cáo tài chính và các thông tin tài chính khác.

34.1.4 Tổng công ty phải thuê một công ty kiểm toán độc lập được cấp phép hành nghề tại Việt Nam để tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hằng năm và thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên của Tổng công ty (bao gồm cả báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính Hợp nhất). Việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập do Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định trên cơ sở danh sách các công ty kiểm toán độc lập đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Chi phí thuê đơn vị kiểm toán độc lập được tính vào chi phí quản lý hằng năm của Công ty mẹ - Tổng công ty.

34.1.5 Tổng công ty chịu trách nhiệm công khai Báo cáo tài chính Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định hiện hành của Pháp luật và điều lệ của Tổng công ty.

34.1.6 Trường hợp cần thiết, để phục vụ việc huy động vốn, Tổng công ty được phép cung cấp các báo cáo tài chính cho ngân hàng, các tổ chức tài chính, phục vụ công tác đấu thầu sau khi được sự phê duyệt, chấp thuận của Tổng giám đốc.

34.2 Báo cáo quản trị

Tổng công ty có trách nhiệm lập báo cáo quản trị theo quy định nội bộ phục vụ công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Điều 35. Kiểm toán nội bộ

Tổng công ty thực hiện công tác kiểm tra, kiểm toán nội bộ định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Tổng giám đốc Tổng công ty. Mục tiêu kiểm toán, kiểm tra nội bộ nhằm phục vụ cho công tác quản trị, điều hành của Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị Tổng công ty.

Điều 36. Lưu trữ tài liệu

- 36.1 Tài liệu kế toán bao gồm các chứng từ kế toán, hóa đơn bán hàng, sổ sách, báo cáo kế toán và các tài liệu khác liên quan. Tài liệu kế toán phải được phân loại, sắp xếp, bảo quản, lưu trữ theo đúng quy định của Bộ Tài chính. Tài liệu kế toán mỗi niên độ

kế toán phải được đưa vào lưu trữ chậm nhất 01 (một) tháng sau khi báo cáo tài chính năm được kiểm toán độc lập xác nhận. Việc sử dụng tài liệu kế toán lưu trữ phải được sự đồng ý của Kế toán trưởng, Tổng giám đốc.

Tài liệu kế toán đem ra ngoài đơn vị phải được sự đồng ý của Kế toán trưởng, Tổng giám đốc Tổng công ty. Đối với hành vi đem tài liệu kế toán ra ngoài đơn vị không có sự đồng ý của Kế toán trưởng, Tổng giám đốc Tổng công ty được xử lý theo quy định của Pháp luật.

36.2 Các tài liệu sau đây cũng được lưu trữ và bảo quản theo quy định của pháp luật:

- Điều lệ Tổng công ty, sửa đổi, bổ sung điều lệ Tổng công ty. Các quy chế nội bộ Tổng công ty, văn bản chốt danh sách cổ đông tại thời điểm xác định quyền tham dự đại hội và chia cổ tức.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm.
- Các giấy tờ tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản của Tổng công ty.
- Biên bản họp, biên bản kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, các nghị quyết, quyết định đã được thông qua.
- Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan thuế ...
- Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán.
- Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI

QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ VÀO DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 37: Quản lý vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác

37.1 Tổng công ty thực hiện các quyền và trách nhiệm của chủ sở hữu vốn với số vốn đầu tư tại các Công ty con, các doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật. Việc quản lý vốn tại doanh nghiệp khác được thực hiện thông qua: (i) việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty với tư cách là chủ sở hữu vốn hoặc là cổ đông, hoặc là người góp vốn; và (ii) việc cử người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác.

37.2 Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức theo dõi quản lý một cách có hiệu quả các phần vốn đầu tư ra ngoài Tổng công ty. Tổng Giám đốc và người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty có trách nhiệm báo cáo hàng quý và hàng năm cho Hội đồng quản trị Tổng công ty tình hình và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh ở các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty.

37.3 Trường hợp Tổng công ty nắm ít cổ phần hoặc vốn góp tại doanh nghiệp khác (dưới 5% vốn điều lệ của doanh nghiệp) thì Tổng công ty không cần phải cử người đại

diện phần vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác. Trường hợp này, Tổng Giám đốc phân công hoặc uỷ quyền người thực hiện các quyền của cổ đông, người góp vốn theo quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp khác.

37.4. Quyền và nghĩa vụ của Công ty mẹ với tư cách chủ sở hữu phần vốn góp tại công ty con do Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ, Công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên:

37.4.1 Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ:

a) Quyết định thành lập (sau khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương), vốn điều lệ khi thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; quyết định điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản công ty con;

b) Ban hành quy chế tài chính của công ty con;

c) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Kiểm soát viên của Công ty con;

d) Phê duyệt chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hàng năm của công ty con;

đ) Phê duyệt, sửa đổi điều lệ của công ty con;

e) Phê duyệt phương án huy động vốn, dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định có mức vốn không vượt quá dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công và có giá trị trên 50% vốn Điều lệ của công ty con được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của công ty con tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn hoặc một tỷ lệ khác thấp hơn quy định tại điều lệ của công ty con. Trường hợp vượt mức nêu trên, Công ty mẹ phê duyệt sau khi có chấp thuận của Cơ quan đại diện chủ sở hữu;

g) Phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm của công ty con;

h) Thực hiện kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng vốn Công ty mẹ đầu tư vào công ty con.

37.4.2 Công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên:

a) Quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định việc đầu tư tăng, giảm vốn, thu hồi vốn hoặc chuyển nhượng quyền mua, quyền góp vốn đầu tư vào công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty mẹ;

b) Quy định tiêu chuẩn, cử, bãi nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, quyết định tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng và quyền lợi khác của người đại diện phần vốn Công ty mẹ theo quy định;

c) Giao nhiệm vụ cho người đại diện phần vốn của Công ty mẹ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty mẹ tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

d) Giao người đại diện phần vốn của Công ty mẹ yêu cầu công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên kịp thời chuyển phần lợi nhuận, cổ tức được chia hoặc thu hồi vốn đầu tư về Công ty mẹ; giám sát việc thu hồi vốn đầu tư, thu lợi nhuận, cổ tức được chia;

đ) Yêu cầu người đại diện phần vốn của Công ty mẹ báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của người đại diện trong việc định hướng doanh nghiệp mà Công ty mẹ có quyền chi phối để thực hiện các mục tiêu, chiến lược của Công ty mẹ;

e) Yêu cầu người đại diện phần vốn của doanh nghiệp báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình tài chính, hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

g) Kiểm tra, giám sát hoạt động của người đại diện phần vốn của Công ty mẹ nhằm ngăn chặn, xử lý kịp thời thiếu sót, yếu kém của người đại diện.

Các quy định khác thực hiện như quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện

- 38.1 Quyền, nghĩa vụ người đại diện tại doanh nghiệp khác có vốn đầu tư của Tổng công ty được quy định trong Điều lệ của doanh nghiệp đó và các quy định của Tổng công ty
- 38.2 Theo dõi, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ doanh nghiệp. Định kỳ hoặc theo yêu cầu báo cáo cho Tổng công ty về tình hình, kết quả hoạt động kinh doanh, vấn đề tài chính của doanh nghiệp khác và việc thực hiện các nhiệm vụ được Tổng công ty giao.
- 38.3 Người đại diện tham gia cơ quan quản lý điều hành doanh nghiệp khác phải nghiên cứu đề xuất phương hướng biện pháp hoạt động của mình tại doanh nghiệp khác để trình Tổng công ty phê duyệt. Đối với những vấn đề quan trọng của doanh nghiệp đưa ra thảo luận trong hội đồng quản trị, trong ban giám đốc, trong đại hội cổ đông hay trong cuộc họp hội đồng thành viên hay bên liên doanh như phương hướng chiến lược, kế hoạch kinh doanh, huy động thêm cổ phần, vốn góp, chia cổ tức, người đại diện phải xin ý kiến của Tổng công ty trước khi họp và biểu quyết. Trường hợp nhiều người đại diện cùng tham gia hội đồng quản trị, cơ quan quản lý điều hành của doanh nghiệp khác thì phải cùng nhau bàn bạc và thống nhất ý kiến khi trước khi phát biểu và biểu quyết.
- 38.4 Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ doanh nghiệp và Tổng công ty giao.

- 38.5 Chịu trách nhiệm trước Tổng công ty về các nhiệm vụ được giao. Trường hợp thiếu trách nhiệm, lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Tổng công ty thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường vật chất theo quy định của pháp luật.
- 38.6 Hội đồng quản trị Tổng công ty phân cấp cho người đại diện phần vốn của Tổng công ty quyết định các dự án đầu tư theo các quyết định phân cấp cụ thể phù hợp với các quy định của Pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty.

Điều 39: Tiền lương, thưởng và quyền lợi của người đại diện

- 39.1 Người đại diện tham gia ban quản lý, điều hành doanh nghiệp khác được hưởng lương, thưởng và các quyền lợi khác theo quy định trong Điều lệ doanh nghiệp đó và do doanh nghiệp đó chi trả.
- 39.2. Người đại diện ở doanh nghiệp khác không được doanh nghiệp khác trả lương, phụ cấp, thưởng và các chế độ quyền lợi khác thì Tổng công ty là người trả lương, phụ cấp, tiền thưởng và chế độ khác cho người đại diện.
- 39.3 Người đại diện không được cùng lúc hưởng lương, tiền thưởng ở cả hai nơi.

CHƯƠNG VII

MỐI QUAN HỆ TÀI CHÍNH GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Điều 40. Mối quan hệ tài chính giữa Tổng công ty với các Công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty

- 40.1 Tổng công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông hoặc thành viên bên liên doanh, bên góp vốn thông qua người trực tiếp quản lý phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp này và theo Điều lệ của doanh nghiệp này.
- 40.2 Tổ hợp Tổng công ty: Công ty mẹ, Công ty con có trách nhiệm ưu tiên sử dụng và cung cấp tất cả dịch vụ nội bộ, đơn giá dịch vụ và các điều kiện khác sẽ do các đơn vị tự thỏa thuận.
- 40.3 Mọi quan hệ kinh tế phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh giữa Tổng công ty với các Công ty con, công ty liên kết đều được thực hiện dưới hình thức ký kết hợp đồng kinh tế.
- 40.4 Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và quy chế quản lý người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các Doanh nghiệp khác.

Điều 41. Mối quan hệ giữa Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc

- 41.1 Đơn vị trực thuộc không có vốn và tài sản riêng, toàn bộ tài sản của đơn vị trực thuộc thuộc sở hữu của Tổng công ty. Tổng công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

- 41.2 Căn cứ vào đề xuất của Kế toán trưởng, theo từng thời kỳ cho phù hợp mô hình, tổ chức bộ máy hoạt động, Tổng công ty sẽ quyết định thực hiện hình thức tổ chức bộ máy Kế toán tập trung hay phân tán hoặc cả vừa tập trung vừa phân tán.
- 41.3 Quyền hạn và trách nhiệm của Đơn vị trực thuộc:
- 41.3.1 Hạch toán phụ thuộc theo phân cấp tại quy chế này, có con dấu, được mở tài khoản chính tiền gửi tại một ngân hàng trong nước hoặc mở tài khoản trong hệ thống tài khoản trung tâm của Tổng công ty, có bảng cân đối kế toán.
- 41.3.2 Được Tổng công ty ủy quyền quản lý vốn và tài sản tại đơn vị, thực hiện các quyết định của Tổng công ty về điều chỉnh vốn và các nguồn lực, chủ động tổ chức sản xuất kinh doanh theo nhiệm vụ, chức năng và kế hoạch được giao. Đơn vị chịu trách nhiệm trước Tổng công ty về bảo toàn và hiệu quả sử dụng vốn, tài sản đơn vị.
- 41.3.3 Được quyền ký các hợp đồng kinh tế và thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ theo phân cấp hoặc ủy quyền của Tổng công ty.
- 41.3.4 Hàng năm, lập kế hoạch chi tiết về doanh thu, chi phí, đầu tư, mua sắm tài sản, đổi mới công nghệ, nghiên cứu khoa học và đào tạo phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị trên cơ sở đảm bảo tiết kiệm, hạ giá thành, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm - dịch vụ trình Tổng công ty xem xét phê duyệt.
- 41.3.5 Đơn vị quản lý theo dõi doanh thu, chi phí theo quy định của Nhà nước và Quy chế này. Việc phân cấp duyệt chi được thực hiện theo phân cấp của Tổng công ty.
- 41.3.6 Đơn vị có trách nhiệm hạch toán kế toán đầy đủ các khoản doanh thu và chi phí thực tế phát sinh ở đơn vị theo quy định và được phản ánh tập trung ở Tổng công ty.
- 41.4 Tổng công ty đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Đơn vị trực thuộc, đồng thời đơn vị sẽ ghi nhận toàn bộ chi phí sử dụng vốn (theo quy định của Tổng công ty) vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.
- 41.5 Các đơn vị chịu sự kiểm tra, thanh tra tài chính và kiểm toán của Tổng công ty và các cơ quan tài chính có thẩm quyền.

CHƯƠNG VIII

CHẾ ĐỘ KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 42. Khen thưởng, kỷ luật

- 42.1 Trong năm tài chính, Tổng công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo Luật định, lợi nhuận đảm bảo chia cổ tức theo kế hoạch, bảo toàn và phát triển được vốn của các cổ đông thì Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban kiểm soát Tổng công ty được thưởng theo quy định. Nguồn chi thưởng là Quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp .

- 42.2 Khi thực hiện dự án đầu tư không mang lại hiệu quả kinh tế dẫn đến không thu hồi được vốn của các cổ đông hoặc không trả được nợ vay theo khế ước hoặc hợp đồng vay vốn của dự án, thì các thiệt hại do chủ quan gây ra tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và trong phạm vi trách nhiệm thì Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty, Giám đốc các đơn vị trực thuộc liên quan sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bồi thường vật chất theo quy định của pháp luật.
- 42.3 Chấp hành chế độ Báo cáo tài chính; Báo cáo công khai tài chính sai sự thật, không thực hiện hoặc vi phạm quy chế này, thì Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Tổng công ty trong phạm vi trách nhiệm sẽ bị xử lý kỷ luật tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, nếu gây ra thiệt hại về kinh tế thì phải bồi thường vật chất theo quyết định của Hội đồng quản trị Tổng công ty, quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với pháp luật.
- 42.4 Phó Tổng giám đốc Tổng công ty được ủy quyền hoặc thay mặt Tổng giám đốc Tổng công ty phụ trách từng lĩnh vực được giao tùy theo thành tích hay lỗi vi phạm, được khen thưởng hay xử lý kỷ luật theo đề nghị của Tổng giám đốc Tổng công ty.
- 42.5 Kế toán trưởng Tổng công ty ngoài việc phải thực hiện theo Quy chế này còn phải thực hiện theo Luật Kế toán và tùy theo thành tích hay lỗi vi phạm, được khen thưởng hoặc bị kỷ luật theo đề nghị của Tổng giám đốc Tổng công ty.
- 42.6 Trưởng các Ban, Phòng chức năng, Ban điều hành/Chi nhánh, Ban quản lý dự án và tương đương của Tổng công ty tham mưu giúp việc cho Tổng giám đốc Tổng công ty tùy theo thành tích hay lỗi vi phạm, được khen thưởng hay bị kỷ luật.
- 42.7 Các cá nhân có liên quan đến việc quản lý tài chính được khen thưởng hoặc bị kỷ luật tùy theo thành tích hoặc lỗi vi phạm.
- 42.8 Người quyết định bổ nhiệm là người quyết định khen thưởng và kỷ luật.

CHƯƠNG IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 43. Điều khoản thi hành

- 43.1 Quy chế này bao gồm 9 chương, 43 điều và có hiệu lực kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị ký quyết định ban hành. Việc sửa đổi và bổ sung quy chế này do Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định.
- 43.2 Quy chế này thay thế Quy chế quản lý tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 354/QĐ-XLKD ngày 08/6/2009 của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

Quy chế này gồm 9 Chương 43 Điều